

Số: /BC-ĐHH

Huế, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG DU LỊCH – ĐẠI HỌC HUẾ

I. THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên gọi bằng tiếng Việt: **Trường Du lịch – Đại học Huế**

- Tên gọi bằng tiếng Anh: **School of Hospitality and Tourism – Hue University**

(Viết tắt: **HUHT**)

2. Địa chỉ:

Trụ sở chính: 22 Lâm Hoàng, phường Võ Dạ, thành phố Huế.

Cơ sở 1: Số 2 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.

Cơ sở 2: Khu quy hoạch Đại học Huế tại phường An Tây và phường An Cựu, thành phố Huế.

3. Loại hình tổ chức: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng của Trường Du lịch – Đại học Huế

Trường Du lịch – Đại học Huế có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực du lịch ở miền Trung, Tây Nguyên và Quốc gia; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b) Tầm nhìn của Trường Du lịch – Đại học Huế

Đến năm 2030 phát triển thành Trường Đại học thành viên, Đại học Quốc gia và trở thành trường đại học trọng điểm về du lịch.

c) Giá trị cốt lõi: Khai phóng – Hội nhập – Chất lượng – Chuyên nghiệp

d) Mục tiêu của Trường Du lịch – Đại học Huế

Trường sẽ có 10 ngành đào tạo đại học với 4 ngành đào tạo theo cơ chế đặc thù

của Chính phủ, 3 ngành đào tạo thạc sĩ và 1 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Quy mô đào tạo của Trường khoảng 4.000 – 6.000 sinh viên các cấp học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Quá trình hình thành và phát triển của Trường Du lịch – Đại học Huế được đánh dấu qua các mốc thời gian như sau:

*** Giai đoạn 1996 – 2007: Bộ môn Du lịch** (thuộc Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế)

Hoạt động đào tạo du lịch ở bậc đại học được thực hiện ở Đại Học Huế từ năm 1996 với ngành Quản trị kinh doanh du lịch do Khoa Kinh tế – Đại học Huế (nay là Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế) thực hiện với qui mô tuyển sinh hàng năm khoảng hơn 100 sinh viên và được xem là một trong những đơn vị có đào tạo du lịch bậc đại học đầu tiên ở Việt Nam. Ngay từ những khóa đầu tiên, Đại học Huế đã rất chú trọng để phát triển ngành đào tạo này trên cơ sở tranh thủ tài trợ từ một số dự án hợp tác quốc tế để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, trao đổi chuyên gia (như dự án đào tạo phát triển năng lực quản lý vùng – Direg, Canada; Dự án của tổ chức Pháp ngữ AUF; Dự án hợp tác với Đại học Hawaii – Hoa Kỳ). Nhờ đó, hoạt động đào tạo du lịch ở Đại học Huế đã đạt được những kết quả đáng khích lệ làm nền tảng cơ bản cho sự phát triển ở các giai đoạn sau này.

*** Giai đoạn 2008 – 2020: Khoa Du lịch – Đại học Huế**

Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao để phát triển du lịch Thừa Thiên Huế, khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước, cũng như yêu cầu tổ chức lại các chuyên ngành đào tạo có liên quan đến du lịch tại Đại học Huế, ngày 14/01/2008 Giám đốc Đại học Huế đã ký Quyết định số 020/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Khoa Du lịch trực thuộc Đại học Huế.

Tiền thân là Bộ môn Du lịch của Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Khoa Du lịch ở thời điểm mới thành lập có 15 cán bộ giảng dạy và người lao động, sau thời gian hơn 12 năm hình thành và phát triển, Khoa đã lớn mạnh không ngừng về số lượng, hoàn thiện dần về cơ cấu và phát triển về chất lượng. Từ một chuyên ngành đào tạo bậc đại học năm 2008, đến năm 2020 Khoa đã có 11 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, 02 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ và 02 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ. Quy mô sinh viên của Khoa tăng nhanh từ 120 sinh viên bậc đại học ở

năm đầu thành lập (2008-2009) lên 3480 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh năm học 2019-2020.

*** Giai đoạn 11/2020 – nay: Trường Du lịch – Đại học Huế**

Ngày 16/11/2020, Hội đồng Đại học Huế đã ra quyết định số 75/QĐ-HĐĐH phê duyệt đề án thành lập Trường Du lịch thuộc Đại học Huế.

Sự ra đời của Trường Du lịch – Đại học Huế sẽ đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước (theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị). Đồng thời, đáp ứng yêu cầu của hội nhập khu vực và quốc tế về du lịch, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành và chủ động trong hội nhập khu vực và quốc tế, đặc biệt sau khi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chính thức công bố Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chuẩn nghề du lịch (MRA-TP) vào tháng 8/2016.

Trường Du lịch – Đại học Huế được thành lập đã đáp ứng chủ trương xây dựng Đại học Huế thành Đại học Quốc gia giai đoạn 2020 – 2022, là trung tâm giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao ở Việt Nam và trong khu vực Châu Á. Phấn đấu đến năm 2025, Trường Du lịch sẽ phát triển thành trường đại học thành viên của Đại học Huế.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ tên: Trần Hữu Tuấn
- Chức vụ: Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, Sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục

- Trường Du lịch – Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 75/QĐ-HĐĐH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 1866/QĐ-ĐHH ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc giao quyền Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế.

- Quyết định số 1056/QĐ-ĐHH ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Quyết định số 1690/QĐ-ĐHH ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Quyết định số 1691/QĐ-ĐHH ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế nhiệm kỳ 2021 – 2026.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

- Quyết định số 74/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Du lịch – Đại học Huế.

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

- Quyết định số 184/QĐ-ĐHH ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập các khoa, phòng chức năng, trung tâm và các bộ môn thuộc khoa thuộc Trường Du lịch – Đại học Huế.

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	35,55	32,14%
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	94,11%	98,63%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	25,60%	23,68%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số Lượng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Chức danh	
						PGS	GS
I.	Giảng viên toàn thời gian	82	0	56	21	5	0
II.	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	80	0	55	21	4	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
----	--------	-------------	-------------------------------

1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	6	6
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	29	29
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	42,68%	42,68%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)		
2	Diện tích sàn/người học (m2)	12,66	12,66
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	92,7	92,7
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	40	40
5	Số bản sách/người học	5,1	5,1
6	Tỉ lệ học phân sản sàng giảng dạy trực tuyến	12,5	12,5
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	125	100

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	22 Lâm Hoàng - Vỹ Dạ - TP Huế	3000	2100
2	Cơ sở Trường Bia	Trường Bia	64000	44800
3	01 Điện Biên Phủ	01 Điện Biên Phủ	2000	2000
	...			
Tổng cộng			64900	48900

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Phần mềm quản lý thư viện	Trường Du lịch	200
2	Lắp đặt máy lọc nước tại Trường Du lịch	Trường Du lịch	44,140
3	Lắp đặt điều hòa tại các phòng, khoa	Trường Du lịch	111
4	Lắp đặt điều hòa tại 17 phòng học Trường Du lịch	Trường Du lịch	487,736
5	Lắp đặt điều hòa tại các phòng học số 01 Điện Biên Phủ	Số 01 Điện Biên Phủ	296
6	Bổ sung máy chiếu phục vụ công tác đào tạo (15 máy)	Trường Du lịch	191,6
7	Bổ sung máy photocopy phục vụ công tác đào tạo	Trường Du lịch	85,5

8	Cải tạo hệ thống PCCC tại nhà 3 tầng Trường Du lịch	Trường Du lịch	325,396
9	Cải tạo hệ thống PCCC tại số 02 Lê Lợi	Số 02 Lê Lợi	522,292
10	Cải tạo 2 nhà vệ sinh tại Trường Du lịch	Trường Du lịch	214,220
11	Cải tạo phần mái của TT TH&LKDN	Trường Du lịch	378,827
Tổng cộng			2,856.711

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội	Từ 21/6/2023 đến 21/6/2028

a) Kết quả tự đánh giá của CTĐT ngành QTDVDL&LH năm 2023:

Tiêu chuẩn	Kết quả Tự đánh giá	Kết quả Đánh giá ngoài	Tỷ lệ
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.67	3.67	66.67%
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	5.00	3.67	66.67%
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	5.00	3.67	66.67%
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	5.00	4.00	100%
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	4.60	4.00	100%
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	4.86	4.14	100%
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	5.00	4.00	100%
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	4.80	4.20	100%
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	4.60	3.60	60%

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	5.17	3.83	83.33%
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	4.40	3.80	80%
TB Tỷ lệ đạt:			86%

b) Kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá

Nhà trường đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá gồm những nội dung chính như sau:

1. Xây dựng kế hoạch cải tiến: Phân công các nhóm chuyên trách các tiêu chuẩn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, trong đó xác định rõ các hoạt động, nguồn lực cần thiết, và thời gian hoàn thành.

2. Thực hiện và Giám sát: Triển khai các hoạt động cải tiến theo kế hoạch và đo lường theo dõi đối với các tiêu chí chưa đạt hoặc kế hoạch định kỳ để cải tiến bền vững các nội dung đã đạt được trong lần đánh giá trước.

3. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến: Lập báo cáo chi tiết kết quả tiến độ và kết quả của các hành động cải tiến.

c) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian:

Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội chứng nhận Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Trường Du lịch – Đại học Huế: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86% (có giá trị đến ngày 21 tháng 6 năm 2028).

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	95,0%	93,6%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	23,6%	10,5%
3	Tỉ lệ thôi học	9,92%	9,44%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	10,13%	14,69%

5	Tỉ lệ tốt nghiệp	61,6%	71,9%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	60,5%	65,2%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	94,8%	97,3%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	94,7%	97,2%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	97,8%	94,9%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	3.390	1.172	380	96%
1	- Khối ngành III	267	108	21	97%
2	+ [7340101] Quản trị kinh doanh	267	108	21	97%
3	- Khối ngành VII	3.123	1.064	359	95%
4	+ [7810101] Du lịch	373	105	52	93,5%
5	+ [7810102] Du lịch điện tử	83	26	9	91,66%
6	+ [7810103] Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.342	461	133	96,5
7	+ [7810104] Quản trị du lịch và khách sạn	167	58	14	95%
8	+ [7810201] Quản trị khách sạn	856	301	122	95,4%
9	+ [7810202] Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	302	113	29	97,6
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				100%
1	- Khối ngành VII	53	15	11	100%
2	+ [8810101] Du lịch	12	10	0	100%
3	+ [8810103] Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	41	5	11	100%
III	Tiến sĩ				100%

1	- Khối ngành VII	88	31	1	100%
2	+ [9810101] Du lịch	88	31	1	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	38/75	35/75
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	32/75	15/75

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	22	870
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	38	35
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	32	15
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	08	08
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0,21%	15,86%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		10,49%

2. Kết quả thu chi hoạt động

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	41,29	34,86
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	1,64	2,53
II	Thu giáo dục và đào tạo	38,76	31,64
1	Học phí, lệ phí từ người học	37,62	31,09
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	0,473	0,56
III	Thu khoa học và công nghệ	0,89	0,00
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0,671	0,69
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	33,57	28,84
I	Chi lương, thu nhập	17,41	17,98
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	12,57	13,49
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	4,84	4,49
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	10,42	7,15
1	Chi cho đào tạo	1,65	1,31
2	Chi cho nghiên cứu	0,19	1,43
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0,42	0,10
4	Chi phí chung và chi khác	8,15	4,31
III	Chi hỗ trợ người học	5,44	3,46
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3,33	2,86
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0,03	0,17
3	Chi hoạt động khác	2,08	0,42

IV	Chi khác	0,30	0,25
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	7,719	6,016

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2025-2026, Trường Du lịch – Đại học Huế tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường công tác tuyển sinh và hỗ trợ người học; duy trì và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo sau kiểm định; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp; tăng cường chuyển đổi số trong quản trị và giảng dạy; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; và thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Đại học Huế.

Kết quả nổi bật: tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm đạt 95,0%; tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn đạt 97,8%; chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với 86% tiêu chí đạt yêu cầu và thời gian hiệu lực đến ngày 21/6/2028; hoạt động nghiên cứu khoa học có 22 đề tài cấp cơ sở với kinh phí thực hiện trong năm 870 triệu đồng; số công bố WoS, Scopus tăng so với năm trước.

Nơi nhận:

- Ban ĐT-CTSV Đại học Huế;
- Công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, TDL.NTM.

TUQ. GIÁM ĐỐC
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DU LỊCH


Trần Hữu Tuấn